


PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

MONO KALI PHOTPHAT		Logo của doanh nghiệp	
Số CAS: 7778-77-0 Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
Tên thường gọi của chất: MKP	Mã sản phẩm (nếu có)		
Tên thương mại: Mono Potassium Phosphate			
Tên khác (không là tên khoa học): Monopotassium salt, axit Phosphoric, Monopotassium Phosphat; Potassium Dihydrogen Phosphat			
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:		
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	Cty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn		
Mục đích sử dụng: dùng làm phân bón, phụ gia thực phẩm,....	30/17 HT31, KP01, P.Hiệp Thành, Quận 12, TP.HCM Điện thoại: 028-6683.4499		
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Mono kali photphat	7778-77-0	KH_2PO_4	98-100%
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)			
HMIS (U.S.A):			
- Nguy hiểm đến sức khỏe : 1			
- Nguy hiểm cháy : 0			
- Độ hoạt động: 0			
- Mức bảo vệ cá nhân : E			
2. Cảnh báo nguy hiểm			
- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;			
- Ô xy hóa mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh;			
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng.			
3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng			
Có hại khi tiếp xúc với da, mắt, hít phải hoặc nuốt phải.			

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)

Tháo kính sát tròng. Rửa mắt ngay với nhiều nước trong thời gian tối thiểu 15 phút, sử dụng nước lạnh. Tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)

Tắm ngay hoặc rửa điểm tiếp xúc với thật nhiều nước. Bôi thuốc lên chỗ nhiễm. Cởi bỏ y phục và giày bị nhiễm hóa chất. Đưa đến bác sĩ. Rửa chỗ bị nhiễm hóa chất với xà phòng diệt khuẩn và bôi thuốc khử trùng. Sau đó đưa đến bác sĩ.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Nếu hít phải hơi, bụi hóa chất, đưa nạn nhân ra vùng không khí trong lành. Nếu nạn nhân đã ngừng thở, làm hô hấp nhân tạo. Nếu nạn nhân thở khó khăn hãy sử dụng thiết bị thở. Đưa nạn nhân đến bác sĩ.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)

Không được gây nôn. Không tác động qua đường miệng đối với người đã bất tỉnh. Nếu nuốt số lượng lớn phải đưa đến bác sĩ ngay. Lưu ý nói lòng ca vát.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. **Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): Không cháy

2. **Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** Không có

3. **Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...): Không có

4. **Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** Không có

5. **Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Không có

6. **Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có): Không có

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Dùng dụng cụ hút hóa chất cho vào thùng chứa. Xịt rửa bằng vòi nước bề mặt nhiễm hóa chất. Xử lý nước nhiễm hóa chất theo quy định của nước sở tại.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Thu gom hóa chất cho vào thùng chứa. Xịt rửa bằng vòi nước bề mặt nhiễm hóa chất và tuân thủ các quy định về vệ sinh môi trường.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

1. **Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

Không nuốt hóa chất. Không hít bụi hóa chất. Sử dụng y phục bảo hộ. Nếu không làm thông thoáng môi trường thì phải sử dụng bình thở. Nếu nuốt phải cần đưa ngay nạn nhân đến bác sĩ, chú ý mang nhãn hóa chất đến cho bác sĩ xem. Tránh để hóa chất tiếp xúc với da và mắt. Giữ tách xa hóa chất có tính kiềm.

2. **Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây

cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

Bảo quản nơi mát, thông thoáng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...)

Khi vào kho phải làm thông thoáng kho, tiếp xúc phải có trang bị bảo vệ cá nhân, không ăn uống hút thuốc khi làm việc.

Trang bị bảo vệ cá nhân, phương tiện làm việc phải làm sạch trước và sau khi sử dụng.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: kính che mắt
- Bảo vệ thân thể: quần áo bảo hộ, khẩu trang lọc bụi hoá chất.
- Bảo vệ tay: găng tay cao su
- Bảo vệ chân: ủng không thấm nước

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

Kính, y phục che kín người, khẩu trang, giày ủng, bao tay, sử dụng thiết bị thở càng tốt.

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: tinh thể rắn	Điểm sôi (°C): không phù hợp
Màu sắc: màu trắng	Điểm nóng chảy (°C): 253°C (487.4°F)
Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: chưa có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không phù hợp	Nhiệt độ tự cháy (°C): chưa có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin
Độ hòa tan trong nước: tan tốt trong nước, không tan trong cồn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin
Độ PH: 4.5	Tỷ lệ hóa hơi: chưa có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m ³)	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Mất nước ở 400°C, tạo meta phot phat. Kỵ với chất kiềm mạnh.

- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): không ăn mòn thủy tinh

- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung ...);

- Phản ứng trùng hợp.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
----------------	-------------	---------	----------------	--------------

MKP	LD50	>4640mg/kg	Da, hô hấp...	Thở
-----	------	------------	---------------	-----

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...)

Làm tổn hại khi tiếp xúc với da, mắt, hít hoặc nuốt phải. Tổn thương nhẹ khi tiếp xúc với da.

2. Các ảnh hưởng độc khác

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
MKP	Chuột		Độc cấp tính

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: chưa có thông tin
- Chỉ số BOD và COD: chưa có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: chưa có thông tin
- Mức độ tích của sản phẩm phân hủy sinh học: không độc

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải

3. Biện pháp tiêu hủy

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- 1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới** (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)
- 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký**
- 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ**

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu:

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 10-12-2018

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc